

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 499/2024/DS-PT  
Ngày 18 – 12– 2024  
V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử  
dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà  
Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ  
Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh  
Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2024/TLPT-DS  
ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024  
của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2024/QĐ-PT ngày 24  
tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Võ Thị N, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Võ Ngọc L, sinh năm: 1974 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số B, L, khóm G, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị N, bà Võ Ngọc L:*  
Ông Thái Huyền T, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Số C, đường Q, khóm D,  
phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1986 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

3. Ông Võ Văn N1, sinh năm 1968 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Võ Thị N2, sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số G, đường G, khóm G, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1966 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Võ Thị D, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Võ Thị B, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị B:* Ông Thái Huyền T, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Số C, đường Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

6. Ông Võ Văn H, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Ngô Mỹ N3 (vợ ông Võ Văn T1; Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Nguyễn Kiều T3, sinh năm 1972 (vợ ông Võ Văn N1; Vắng mặt).

10. Anh Võ Văn T4, sinh năm 1991 (con ông Võ Văn N1; Vắng mặt);

11. Anh Võ Văn K, sinh năm 1993 (con ông Võ Văn N1; Vắng mặt);

12. Anh Võ Vũ K1, sinh năm 2001 (con ông Võ Văn N1; Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Ngọc L và bà Võ Thị N, là nguyên đơn; bà Võ Thị B, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo bà Võ Thị N và bà Võ Ngọc L trình bày:*

Nguồn gốc phân đất tranh chấp có diện tích khoảng 35.390 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp S và ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau) là của cha mẹ của các bà là ông Võ Văn T5, sinh năm 1935 (chết năm 2006), bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1947 (chết năm 2010), được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T5 đứng tên ngày 09/3/1994. Cha mẹ của các bà chết có để lại di chúc do ông T1 giữ nhưng ông T1 đã làm mất. Cha mẹ của các bà có 12 người con, gồm: Bà Võ Thị N2, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị D, ông Võ Văn N1, ông Võ Văn T2, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị B, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn H, ông Võ Văn T1 và bà Võ Thị Út. Khi cha mẹ còn sống cho ông Võ Văn N1 mượn sử dụng diện tích khoảng 9.000m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế diện tích 7.550,5m<sup>2</sup>) và cho ông Võ Văn Đ mượn sử dụng diện tích khoảng 9.000m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế diện tích 5.759m<sup>2</sup>), đất tọa lạc tại ấp S, xã V, huyện P; còn lại ông Võ Văn T1 đang quản lý sử dụng diện tích khoảng 18.000m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế diện tích 18.243,8m<sup>2</sup>), đất tọa lạc tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Do quá trình thờ cúng, thăm nom mồ mã cha mẹ xảy ra mâu thuẫn và tranh chấp, nên bà N và bà L yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần

đất cha mẹ để lại không có di chúc, yêu cầu chia đều diện tích đất theo đo đạc thực tế cho 12 người con; bà N và bà L cầu nhận phần đất thuộc ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Bà N và bà L thống nhất tách phần diện tích khu mộ theo đo đạc thực tế 787,8 m<sup>2</sup> và lồi đi vào khu mộ diện tích 822,9 m<sup>2</sup>, tổng diện tích là 1.610,7 m<sup>2</sup> giao cho tất cả đồng thừa kế là 12 người con đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất.

- Theo ông Võ Văn T1 trình bày:

Ông T1 thống nhất về nguồn gốc đất và quan hệ gia đình như bà N và bà L trình bày. Khi cha ông chết không để lại di chúc; khi mẹ ông chết có để lại di chúc chia cho ông 07 công đất, anh chị em còn lại mỗi người là 02 công đất, còn lại 05 công đất giao cho ông để thờ cúng cha mẹ. Di chúc do quá trình dọn nhà đã bị thất lạc, ông không tìm gặp. Do từ nhỏ ông đã sống chung cùng cha mẹ, sau khi mẹ ông chết thì ông trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất của cha mẹ đến nay, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 18.243,8 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Nay ông đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất cha mẹ để lại, diện tích theo đo đạc thực tế tại ấp S và ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phần đất trước đây thuộc ấp K, xã T, huyện C; nhưng sau này do đào con kênh Mò Côi nên phần đất bị chia tách thành 02 phần, thuộc ấp K và So Đ1. Hiện ông quản lý đất thuộc ấp K, ông Võ Văn N1 và ông Võ Văn Đ quản lý, sử dụng phần đất tại ấp S, hiện ông đang thuê phần đất của ông Đ để sử dụng khoảng từ 05 năm nay, việc thuê đất không lập thành văn bản, không thỏa thuận thời gian kết thúc hợp đồng thuê, mà thỏa thuận khi nào ông Đ lấy lại phần đất thì ông trả lại, giá thuê đất mỗi năm là 5.000.000 đồng, trả tiền thuê hàng năm. Nay ông yêu cầu tách phần diện tích khu mộ và lồi đi vào khu mộ theo kết quả đo đạc thực tế là 1.610,7 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau để đồng thừa kế là 12 anh chị em cùng đứng tên đồng sở hữu quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại chia thừa kế theo quy định pháp luật cho 12 anh chị em, ông yêu cầu nhận đất tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau, đồng thời yêu cầu chia giá trị công sức đóng góp của ông trong quá trình quản lý đất và thờ cúng cha mẹ là 50% giá trị di sản thừa kế để lại.

- Theo ông Võ Văn N1 trình bày:

Ông N1 thống nhất về nguồn gốc đất và quan hệ gia đình như bà N và bà L trình bày. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Trước khi cha mẹ ông chết, ông có vợ nên cha mẹ ông cho riêng ông phần đất hiện tại ở ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (theo đo đạc thực tế là 6.948,3 m<sup>2</sup>) từ khoảng năm 1995-1996 và ông đã quản lý, sử dụng, cất nhà sinh sống ổn định cho đến nay gần 30 năm. Phần đất trước đây trồng lúa, đến năm 2000 khi chuyển dịch nuôi tôm ông đã cải tạo, đào ao, làm bờ để nuôi thủy sản đến nay, việc cha mẹ ông cho đất chỉ nói miệng nhưng anh chị em và người xung quanh đều biết. Nay ông không đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất cha mẹ chết để lại tại ấp S và ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau, ông yêu cầu giữ nguyên phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là 6.948,3m<sup>2</sup> tại ở ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau cho ông tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Theo bà Võ Thị B trình bày:

Bà B thống nhất với trình bày của bà N và bà L. Bà B yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất cha mẹ để lại không có di chúc, yêu cầu chia đều diện tích đất theo đo đạc thực tế cho 12 người con; bà N và bà L cầu nhận phần đất thuộc ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Bà N và bà L thống nhất tách phần diện tích khu mộ theo đo đạc thực tế 787,8 m<sup>2</sup> và lối đi vào khu mộ diện tích 822,9 m<sup>2</sup>, tổng diện tích là 1.610,7 m<sup>2</sup> giao cho tất cả đồng thừa kế là 12 người con đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất.

- Theo bà Võ Thị N2 và bà Võ Thị L1 trình bày:

Bà N2 và bà L1 thống nhất về nguồn gốc đất và quan hệ gia đình như bà N và bà L trình bày. Hiện tại ông Võ Văn N1 quản lý sử dụng phần đất theo kết quả đo đạc là 6.948,3 m<sup>2</sup> tại ấp S, xã V, huyện P; ông Võ Văn Đ quản lý sử dụng 5.406,7 m<sup>2</sup> tại ấp S, xã V, huyện P; ông Võ Văn T1 quản lý, sử dụng 18.243,8 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã V, huyện P. Lý do được sử dụng là khi cha mẹ còn sống đã cho riêng ông N1, ông Đ, ông T1 quản lý, sử dụng, nhưng chỉ nói miệng không làm văn bản.

Bà N4, bà L1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, chia đều diện tích đất cha mẹ để lại theo diện tích đo đạc thực tế cho 12 người con, bà yêu cầu nhận đất và tự nguyện giao lại kỹ phần bà được nhận cho ông T1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà N2, bà L1 thống nhất tách phần diện tích khu mộ theo đo đạc thực tế là 787,8 m<sup>2</sup> và lối đi vào khu mộ diện tích 822,9 m<sup>2</sup>, tổng diện tích 1.610,7 m<sup>2</sup> giao cho tất cả đồng thừa kế đồng sở hữu đứng tên quyền sử dụng đất.

- Theo ông Võ Văn H trình bày:

Ông H thống nhất về nguồn gốc đất và quan hệ gia đình như bà N và bà L trình bày. Hiện tại ông Võ Văn N1 quản lý sử dụng phần đất diện tích khoảng 9.000 m<sup>2</sup> và ông Võ Văn Đ quản lý sử dụng phần đất diện tích khoảng 9.000 m<sup>2</sup> tại ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau; ông Võ Văn T1 quản lý, sử dụng khoảng 18.000 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Lý do được quản lý sử dụng là do cha mẹ khi còn sống cho mượn để quản lý, sử dụng. Ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, chia đều diện tích đất cho 12 người con, yêu cầu để lại diện tích đất khu nền mộ và lối đi khoảng 2.000 m<sup>2</sup> để làm di sản thờ cúng, thống nhất để 12 anh chị em cùng đứng tên quyền sử dụng đất; còn lại yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật cho 12 anh chị em, ông được nhận khoảng 2.832,5 m<sup>2</sup> đất tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phần đất ông được nhận thừa kế, ông yêu cầu giao lại cho ông Võ Văn T1 quản lý, sử dụng. Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo bà Võ Thị Ú, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị D trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc đất và quan hệ gia đình như bà N và bà L trình bày. Sau khi cha mẹ chết thì ông Võ Văn N1, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ tự ý lấy đất sử dụng cho đến nay, mà không có ý kiến hay thỏa thuận gì với các ông, bà. Ông T1 và vợ là Ngô Mỹ N3 gây khó khăn, cản trở ông bà về thăm viếng thờ tự bàn thờ ông bà, cha mẹ, tạo nên mâu thuẫn gây gât. Ông N1 đang quản lý, sử dụng khoảng 9.000 m<sup>2</sup>, ông Võ Văn Đ đang quản lý, sử dụng khoảng 9.000 m<sup>2</sup> và ông Võ Văn T1 đang quản lý, sử dụng khoảng 18.000 m<sup>2</sup>. Do đất cha mẹ chết không để lại di chúc, nên các ông bà yêu cầu chia di sản của cha mẹ chết để lại theo quy định

pháp luật 12 phần bằng nhau, các ông bà mỗi người được nhận 2.999,16 m<sup>2</sup> đất đang tọa lạc tại ấp K và ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Theo bà Nguyễn Kiều T3 trình bày:

Bà là vợ của ông Võ Văn N1, đang sinh sống trên phần đất tranh chấp tại ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau cùng ông N1. Nguồn gốc phần đất tranh chấp bà đang ở là của cha mẹ chồng là ông Võ Văn T5 và bà Nguyễn Thị K2 cho vợ chồng bà hơn 30 năm. Khi cha mẹ cho đất không làm văn bản, vợ chồng bà đã quản lý, sử dụng, canh tác cho đến nay. Nay tranh chấp thì bà thống nhất theo ý kiến của ông Võ Văn N1 đã trình bày là giữ nguyên phần đất cha mẹ cho ông bà để tiếp tục quản lý, sử dụng; không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị N.

Chấp nhận yêu cầu phản tố chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T1.

Chấp nhận yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Võ Thị N2, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị B, bà Võ Thị D, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn H và bà Võ Thị Út .

Buộc ông Võ Văn T1 và bà Ngô Mỹ N3 giao phần đất là khu mộ và lối đi vào khu mộ có tổng diện tích 1.610,7 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau cho bà Võ Thị N2, bà Võ Thị N, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị D, ông Võ Văn N1, ông Võ Văn T2, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị B, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn H, ông Võ Văn T1 và bà Võ Thị Ú được quản lý, sử dụng và đồng sở hữu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Võ Văn T1 trả cho bà Võ Thị N, bà Võ Ngọc L và bà Võ Thị Bình giá T6 di sản với số tiền mỗi người được nhận là 103.765.641 đồng.

Ông Võ Văn T1 được nhận và tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất thừa kế là 16.633,1 m<sup>2</sup> tại ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Võ Văn N1 trả cho bà Võ Thị D giá trị di sản với số tiền là 103.765.641 đồng.

Ông Võ Văn N1 được nhận và tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất thừa kế là 6.948,3 m<sup>2</sup> tại ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Võ Văn Đ trả cho ông Võ Văn T2 giá trị di sản với số tiền là 103.765.641 đồng.

Ông Võ Văn Đ được nhận và quản lý, sử dụng diện tích đất thừa kế là 5.406,7 m<sup>2</sup> tại ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Võ Văn T1 trả giá trị di sản cho bà Võ Thị Ú 10.029.292 đồng, buộc ông Võ Văn N1 trả giá trị di sản cho bà Võ Thị Ú 59.096.647 đồng, buộc ông Võ Văn Đ trả giá trị di sản cho bà Võ Thị Ú 34.639.708 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/8/2024, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị B, bà Võ Thị N có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, phân chia cho bà L, bà B, bà N được nhận đất trên thực địa, không chấp nhận cho ông T1, ông N1 và ông Đ hưởng giá trị công gìn giữ, tôn tạo đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị N, bà Võ Thị B giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông Thái Huyền T phát biểu: Theo đo đạc thực tế, phần đất ông T1 đang quản lý tổng diện tích là 18.243,8m<sup>2</sup>, cấp sơ thẩm giải quyết đúng với diện tích đất theo đo đạc. Phần đất ông N1 quản lý tổng diện tích là 7.550,5m<sup>2</sup> (gồm phần đất ở và cây lâu năm diện tích 602,2m<sup>2</sup> và đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6.948,3m<sup>2</sup>) nhưng cấp sơ thẩm chỉ giải quyết chia thừa kế đối với phần đất nuôi trồng thủy sản, bỏ sót phần đất ở và cây lâu năm. Phần đất ông Đ quản lý tổng diện tích là 5.759m<sup>2</sup> (gồm phần đất ở và cây lâu năm diện tích 352,3m<sup>2</sup> và đất nuôi trồng thủy sản diện tích 5.046,7m<sup>2</sup>) nhưng cấp sơ thẩm chỉ giải quyết chia thừa kế đối với phần đất nuôi trồng thủy sản, bỏ sót phần đất ở và cây lâu năm. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, bà L và bà B; chia thừa kế đối với tổng diện tích đất theo đo đạc 31.553,3m<sup>2</sup>, phân chia cho bà N, bà L, bà B được nhận bằng diện tích đất trên thực địa; không cho ông T1, ông Đ, ông N1 hưởng giá trị công gìn giữ, tôn tạo đất.

Các đương sự không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các nguyên đơn bà Võ Thị N, bà Võ Ngọc L khởi kiện các bị đơn ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn N1 yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cha mẹ là cụ Võ Văn T5 và cụ Nguyễn Thị K2 để lại diện tích 35.990m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp K và ấp S, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau, do cụ T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp ngày 09/3/1994. Các nguyên đơn xác định trong diện tích đất 35.990m<sup>2</sup> nêu trên, hiện ông N1 đang quản lý diện tích khoảng 9.000m<sup>2</sup>, ông Đ quản lý diện tích khoảng 9.000m<sup>2</sup>, còn lại ông T1 quản lý diện tích khoảng 18.000m<sup>2</sup>.

[2] Theo đo đạc thực tế phần đất cụ T5 và cụ K2 để lại có diện tích là 31.553,3m<sup>2</sup>, trong đó:

Phần ông T1 đang quản lý sử dụng diện tích 18.243,8m<sup>2</sup>, gồm: Đất ở và cây lâu năm diện tích 794,2m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản diện tích 17.449,6m<sup>2</sup>;

Phần ông N1 đang quản lý sử dụng diện tích 7.550,5m<sup>2</sup>, gồm: Đất ở và cây lâu năm diện tích 602,2m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6.948,3m<sup>2</sup>;

Phần ông Đ đang quản lý sử dụng diện tích 5.759m<sup>2</sup>, gồm: Đất ở và cây lâu năm diện tích 352,3m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản diện tích 5.406,7m<sup>2</sup>.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết phân chia thừa kế tổng diện tích đất là 30.598,8m<sup>2</sup>, gồm: Phần đất ông T1 đang quản lý diện tích 18.243,8m<sup>2</sup>; phần đất nuôi trồng thủy sản ông N1 đang quản lý diện tích 6.948,3m<sup>2</sup>; phần đất nuôi trồng thủy sản ông Đ đang quản lý diện tích 5.406,7m<sup>2</sup>. Còn lại phần đất ở và cây lâu năm ông N1 đang quản lý diện tích 602,2m<sup>2</sup>; phần đất ở và cây lâu năm ông Đ đang quản lý diện tích 352,3m<sup>2</sup>, Toà án cấp sơ thẩm không đưa vào diện tích chung để xem xét chia thừa kế. Tại phiên toà phúc thẩm, bà N, bà L, bà B đều có yêu cầu phân chia thừa kế đối phần đất ở, cây lâu năm ông N1 đang quản lý diện tích 602,2m<sup>2</sup> và phần đất ở, cây lâu năm ông Đ đang quản lý diện tích 352,3m<sup>2</sup>. Xét thấy, việc Toà án cấp sơ thẩm không đưa diện tích đất ở, cây lâu năm ông N1 và ông Đ đang quản lý vào diện tích chung của phần đất để xem xét chia thừa kế là có thiếu sót, chưa giải quyết toàn diện vụ án. Do đó, cấp phúc thẩm xét thấy cần huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án là phù hợp.

[4] Do huỷ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với nội dung kháng cáo của bà Võ Thị N, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị B.

[5] Chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm các đương sự đã dự nộp được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N, bà L, bà B không phải chịu. Bà N đã được miễn dự nộp; bà L, bà B đã dự nộp được nhận lại.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Võ Thị N, bà Võ Ngọc L với bị đơn ông Võ Văn T1, ông Võ Văn N1, ông Võ Văn Đ. Giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm các đương sự đã dự nộp được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị N, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị B không phải chịu. Bà Võ Thị N đã được miễn dự nộp; Ngày 15/8/2024, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thị B mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003794, 003793 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**